

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-PT

Ngày 17/01/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quý My và ông Bằng Công Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc K, Luật sư trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Ma Thị N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Bùi Văn L, Luật sư trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Quang C (chồng bà O)

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Bà có một thửa đất đồi, nằm dựng đứng liền bờ ruộng N, thuộc địa phận xóm N, xã N,

huyện V, tỉnh Thái Nguyên do mẹ chồng bà là bà Trịnh Thị G để lại cho vợ chồng bà sản xuất từ trước năm 1980, khi được cho trên đất không có cây cối gì, không có tranh chấp, xung quanh đất có hào khoảng 2000 m² gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 01 năm 2017 thì bà Ma Thị N thuê người phát một phần diện tích bà đang quản lý sử dụng, gia đình bà N đã trồng cây Keo trên diện tích bà N phát. Đến năm 2018 bà cũng mang cây Quế về trồng xung quanh khu vực đất tranh chấp. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ma Thị N khai thác cây và trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm cho bà.

Bị đơn bà Ma Thị N trình bày: Về nguồn gốc khu đất tranh chấp năm 1986 bà phát phần diện tích đất để trồng cây C1, cây Mía sau đó trồng cây K1. Năm 2013 bà được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã N. Bà không biết vì lý do gì mà đến khoảng năm 2016 bà Nguyễn Thị Kim O cho rằng bà lấn chiếm đất của nhà bà O. Nay bà O yêu cầu bà trả lại diện tích đất tranh chấp bà không nhất trí vì diện tích khu đất tranh chấp bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang C trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kim O, về nguồn gốc khu đất tranh chấp là đất của gia đình ông sử dụng từ khi ông còn nhỏ, nay toàn bộ khu đất tranh chấp do bà O quyết định.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn trình bày: Phần đất tranh chấp 530,1m² không nằm giáp phần đất ruộng và mồ mả của bà O vì vậy các chứng cứ do Tòa án thu thập và lời khai của các đương sự, nhân chứng thấy rằng chưa đủ căn cứ để bà O đòi bà N phần diện tích đất trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O vì diện tích tranh chấp 530,1m² bà N đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Với nội dung nêu trên tại bản án số 16/2023/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 203 luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O đòi quyền sử dụng đất 530,1m² đối với bà Ma Thị N.

Giao cho bà Ma Thị N quản lý sử dụng 200 cây Quế bà O trồng năm 2018. Bà N trả cho bà O giá trị cây Q là 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định và tiền định giá tài sản theo đơn yêu cầu xem xét thẩm định của bà O (Đã thu và chi hết).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim O.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2023 bà Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà O vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà O thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình bà O và bà N là 530.1m² đất nằm trong thửa đất số 232, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã N mà bà Ma Thị N đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2013. Theo kết quả thẩm định thì tài sản trên đất gồm có 200 cây keo đường kính gốc trung bình từ 10-20 cm bà Ma Thị N trồng từ năm 2016 và 200 cây Quế đường kính gốc trung bình nhỏ hơn 2cm do bà Nguyễn Thị Kim O trồng từ năm 2018. Bà O cho rằng nguồn gốc diện tích 530.1m² đất này là do bà G là mẹ chồng bà cho bà, tuy nhiên bà chưa kê khai và chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án bà O đưa ra một số người làm chứng là bà Trịnh Thị G (mẹ chồng bà); ông Nguyễn Văn H (em ruột bà); ông Trịnh Văn T (em ruột chồng bà); ông Hà Văn L1 (em trai ruột của mẹ bà). Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của những người làm chứng này thì những người làm chứng như ông H, ông T, ông L1 đều khẳng định không biết đất của ai. Đối với bà G là mẹ chồng bà O cũng khẳng định không biết nguồn gốc của ai và cũng không được canh tác sử dụng thửa đất này. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O là có căn cứ.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O cho rằng cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp đất cho bà N là thiếu sót, kiến nghị xem xét cho phù hợp.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N cho rằng nhà nước đã cấp cho bà N từ năm 2013, chỉ đến năm 2016 mới xảy ra tranh chấp với bà O, còn bà O không đưa ra được chứng cứ nào cho rằng diện tích đất tranh chấp 530,1m² là của bà O, nên đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét

xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim O, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim O, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2023/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà O vì bà O là người cao tuổi. Trả lại bà O 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006461 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Võ Nhai;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai; -
- UBND huyện Võ Nhai;
- UBND xã Nghinh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế

